

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý 3 năm 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	6 - 34

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.707.859.807.119	1.837.282.771.463
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	61.030.362.272	376.864.985.966
1. Tiền	111		9.530.362.272	365.364.985.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.500.000.000	11.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.643.700.982.307	1.457.334.248.135
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	28.644.305.023	28.374.208.850
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.258.863.430	850.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.a	421.454.334.665	499.242.995.632
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.225.886.224.264	963.409.788.728
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(34.542.745.075)	(34.542.745.075)
III. Hàng tồn kho	140	V.8	490.268.859	490.268.859
1. Hàng tồn kho	141		490.268.859	490.268.859
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.638.193.681	2.593.268.503
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.a	36.687.500	19.675.003
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		934.208.856	906.296.175
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.a	1.667.297.325	1.667.297.325
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.749.726.281.316	4.730.602.732.159
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		379.674.200.000	385.680.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5.b	379.674.200.000	385.680.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.332.096.591	3.500.751.303
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.332.096.591	3.500.751.303
2. - Nguyên giá	222		6.823.006.016	6.481.427.016
3. - Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.490.909.425)	(2.980.675.713)
4. - Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
5. - Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		844.203.786	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		844.203.786	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.364.680.402.847	4.339.597.498.436
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10.a	4.364.680.402.847	4.339.597.498.436
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.195.378.092	1.824.482.420
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.b	1.195.378.092	1.824.482.420
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.457.586.088.435	6.567.885.503.622

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Mẫu số B 01 - DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.827.178.548.561	3.973.272.100.508
I. Nợ ngắn hạn	310		1.292.676.548.561	1.701.288.441.769
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	15.065.395.485	173.482.957.662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.875.433.358	464.708.675.949
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.b	545.367.175	239.288.274
4. Phải trả người lao động	314		49.521.428	618.721.428
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	-	564.005.323
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.a	1.245.365.200.714	718.160.298.399
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.a	25.257.281.037	341.805.406.465
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.518.349.364	1.709.088.269
II. Nợ dài hạn	330		2.534.502.000.000	2.271.983.658.739
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.b	2.534.502.000.000	2.271.983.658.739
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.630.407.539.874	2.594.613.403.114
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	2.630.407.539.874	2.594.613.403.114
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
3. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		91.212.950.485	91.212.950.485
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		606.989.191.293	571.195.054.533
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		467.790.439.415	407.818.608.772
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		139.198.751.878	163.376.445.761
TỔNG CỘNG NGUỒN VON (440 = 300 + 400)	440		6.457.586.088.435	6.567.885.503.622


Phùng Thị Thắm
Người lập biểu


Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán Quý 3 và Lũy kế năm 2024

Mẫu số B 02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.421.015.191	1.078.622.080	5.103.227.224	5.846.241.012
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		1.421.015.191	1.078.622.080	5.103.227.224	5.846.241.012
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	183.623.312	842.192.551	4.472.529.506	4.122.261.109
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.237.391.879	236.429.529	630.697.718	1.723.979.903
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	204.039.016.728	75.013.082.872	464.152.971.848	309.912.947.188
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	177.776.575.443	50.978.177.720	315.864.658.154	167.492.504.768
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		177.776.575.443	50.978.177.720	315.864.658.154	167.492.504.768
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.765.183.381	2.014.398.035	9.675.666.629	7.509.231.768
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		22.734.649.783	22.256.936.646	139.243.344.783	136.635.190.555
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12. Chi phí khác	32		44.223.044	-	44.592.905	-
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(44.223.044)	-	(44.592.905)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.690.426.739	22.256.936.646	139.198.751.878	136.635.190.555
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	52		-	-	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		22.690.426.739	22.256.936.646	139.198.751.878	136.635.190.555

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2024

Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
		đến 30/09/2024	đến 30/09/2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	139.198.751.878	136.635.190.555
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	510.233.712	250.200.922
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(464.152.971.848)	(309.912.947.188)
Chi phí lãi vay	06	315.864.658.154	167.492.504.768
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(8.579.328.104)	(5.535.050.943)
Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	79.381.783.614	2.306.865.689
Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	(844.203.786)	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	161.923.077.497	684.110.403
Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	612.091.831	10.035.567.966
Tiền lãi vay đã trả	14	(360.755.596.238)	(235.008.645.679)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.772.525.000)	(1.512.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(131.034.700.186)	(229.029.152.564)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(341.579.000)	(3.457.132.370)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(99.069.200.000)	(280.800.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	182.863.660.967	79.779.594.562
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25.968.515.033)	(9.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	97.565.688.072
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	121.473.491.036	127.108.319.090
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	178.957.857.970	11.196.469.354

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2024

Mẫu số B 03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
		đến 30/09/2024	đến 30/09/2023
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	447.749.959.505	892.510.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(425.798.210.983)	(370.933.449.807)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(385.709.530.000)	(308.567.624.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(363.757.781.478)	213.008.926.193
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(315.834.623.694)	(4.823.757.017)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	376.864.985.966	37.822.587.227
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	61.030.362.272	32.998.830.210

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 04 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,84%.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477 - 479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 31 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích khác; xây dựng công trình đường sắt; xây dựng công trình đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

Cấu trúc công ty

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty đang đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	89%	89%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
4. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
5. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên, QL 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
6. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
9. Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	Tỉnh Bình Dương	66,667%	66,667%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông, duy trì bảo dưỡng cầu đường, trồng và chăm sóc cây xanh và các dịch vụ hạ tầng khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán báo cáo tài chính Quý 3/2024 và từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 09 năm 2024.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Nợ phải thu (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động hợp tác kinh doanh là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập và được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận phân chia cho đối tác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.530.362.272	365.364.985.966
Các khoản tương đương tiền	51.500.000.000	11.500.000.000
Cộng	61.030.362.272	376.864.985.966

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 bao gồm số tiền 1,5 tỷ đồng đã được sử dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 1,5 tỷ đồng).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan (i)	5.347.421.118	5.077.324.945
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.482.780.198	2.482.780.198
Các khách hàng khác	9.768.622.966	9.768.622.966
Cộng	28.644.305.023	28.374.208.850
<i>(i) Chi tiết phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.794.282.694	1.724.726.521
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	1.398.286.511	1.398.286.511
Cty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	482.567.840	304.027.840
Công ty CP Đầu Tư Năm Bảy Bảy	22.000.000	-
Cộng	5.347.421.118	5.077.324.945

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CP Đầu Tư Công Nghệ Thiên Ân	1.368.863.430	-
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xây dựng Minh Đạt	850.000.000	850.000.000
Các nhà cung cấp khác	40.000.000	-
Cộng	2.258.863.430	850.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
<i>Phải thu các bên liên quan (i)</i>	421.454.334.665	499.242.995.632
Công ty CII	421.454.334.665	499.242.995.632
Cộng ngắn hạn	421.454.334.665	499.242.995.632
b. Phải thu dài hạn		
<i>Phải thu các bên liên quan (i)</i>	378.480.000.000	385.680.000.000
Công ty CII		
Công ty TNHH MTV B.O.T Tỉnh Ninh Thuận	375.480.000.000	378.980.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	3.000.000.000	6.700.000.000
Cty CP ĐT XD Tuần Lộc	1.194.200.000	
Cộng dài hạn	379.674.200.000	385.680.000.000
Tổng Cộng	801.128.534.665	884.922.995.632

(i) Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản sau đây:

- Khoản hỗ trợ vốn ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty CII) theo hợp đồng đã ký năm 2015 và các phụ lục, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Hạn mức hỗ trợ vốn là 500 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11%/năm, đáo hạn theo hợp đồng là vào ngày 02 tháng 8 năm 2026 hoặc khi hai bên có nhu cầu thanh toán. Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 421.454.334.665 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn dài hạn cho Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận với hạn mức theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã ký là 400 tỷ đồng, thời hạn là 5 năm và sẽ đáo hạn vào ngày 25 tháng 11 năm 2025. Mục đích của khoản hỗ trợ vốn là nhằm bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, lãi suất áp dụng trong kỳ là 10,5%/năm. Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 375.480.000.000 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn dài hạn cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG với hạn mức theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã ký là 50 tỷ đồng, thời hạn là 5 năm và sẽ đáo hạn vào ngày 19 tháng 3 năm 2026. Mục đích của khoản hỗ trợ vốn là nhằm bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, lãi suất áp dụng trong kỳ là 8,4%/năm. Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 3.000.000.000 đồng.

(ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc theo hợp đồng với thời hạn 3 năm kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2024 để thanh toán giá trị cổ phần đăng ký mua thêm tại Công ty Cổ Phần Trung Lương Mỹ Thuận. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 8,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng số lượng cổ phần mua thêm và các lợi ích kèm theo của Tuần Lộc trong Công ty Cổ Phần Trung Lương Mỹ Thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.127.156.407.991	788.195.192.955
Phải thu tiền bổ sung vốn trong dự án Trung Lương Mỹ Thuận	47.275.800.000	154.753.800.000
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay, lãi trả chậm	13.164.405.376	9.446.139.600
Cty CP Thương Mại Nước Giải Khát Khánh An	10.432.603.510	10.432.603.510
Đặt cọc mua cổ phần (i)	27.162.715.033	
Phải thu người lao động	165.725.502	105.725.502
Ký cược, ký quỹ	14.000.000	14.000.000
Các khoản phải thu khác	514.566.852	462.327.161
Cộng	1.225.886.224.264	963.409.788.728
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.127.156.407.991	788.195.192.955
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	167.337.431.318	131.164.623.542
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	468.449.858.270	401.303.533.507
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	345.799.224.046	255.727.035.906
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	140.569.869.357	
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	5.000.025.000	-
Phải thu lãi từ các hợp đồng hỗ trợ vốn	13.164.405.376	9.426.610.833
Công ty CII		
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	13.164.405.376	9.426.610.833
Các khoản phải thu khác	47.275.800.000	154.753.800.000
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	47.275.800.000	154.753.800.000
Cộng	1.187.596.613.367	952.375.603.788

(i) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản tiền đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo thỏa thuận hứa mua hứa bán ký ngày 25 tháng 10 năm 2023. Theo đó, Tuấn Lộc hứa bán và Công ty hứa mua số lượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Tuấn Lộc đang sở hữu trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22.804.269.724	(22.804.269.724)	22.804.269.724	(22.804.269.724)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	850.000.000	(850.000.000)	850.000.000	(850.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	10.888.475.351	(10.888.475.351)	10.888.475.351	(10.888.475.351)
Cộng	34.542.745.075	(34.542.745.075)	34.542.745.075	(34.542.745.075)

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND
Số đầu năm	(34.542.745.075,0)	(32.938.403.577)
Xóa nợ khó đòi trong kỳ	-	89.006.505
Số cuối năm	(34.542.745.075)	(32.938.403.577)

7. Hàng tồn kho

	30/09/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	490.268.859	-	490.268.859	-
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang	490.268.859	-	490.268.859	-
Cộng	490.268.859	-	490.268.859	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định hữu hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
Tại ngày 01/01/2024	854.759.656	-	460.370.000	4.372.682.072	104.126.400	689.488.888	6.481.427.016				
Tăng trong kỳ				-							
Mua trong kỳ				-	341.579.000						341.579.000
Tại ngày 30/09/2024	854.759.656	460.370.000	460.370.000	4.372.682.072	445.705.400	689.488.888	6.823.006.016				
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Tại ngày 01/01/2024	811.943.184		38.364.165	2.032.465.291	69.174.368	28.728.705	2.980.675.713				
Khấu hao trong kỳ	5.353.488		49.325.355	314.872.236	54.496.518	86.186.115	510.233.712				
Tại ngày 30/09/2024	817.296.672		87.689.520	2.347.337.527	123.670.886	114.914.820	3.490.909.425				
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày 01/01/2024	42.816.472	422.005.835	2.340.216.781	34.952.032	660.760.183	3.500.751.303					
Tại ngày 30/09/2024	37.462.984	372.680.480	2.025.344.545	322.034.514	574.574.068	3.332.096.591					

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 là: 1.726.044.954 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

10. Đầu tư vào công ty con

	30/09/2024		01/01/2024	
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	137.312.319	1.889.009.917.776	(i)	137.312.319
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	94.350.000	943.500.000.000	(i)	943.500.000.000
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		607.325.833.333	(i)	607.325.833.333
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	28.700.000	335.996.028.454	(i)	28.700.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		242.278.623.284	(i)	335.996.028.454
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	(i)	242.278.623.284
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiến		106.590.000.000	(i)	335.996.028.454
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	2.000.000	20.000.000.000	(i)	219.980.000.000
Cộng		4.364.680.402.847		20.000.000.000
				4.339.597.498.436

(i) Giá trị hợp lý của các công ty không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	36.687.500	19.675.003
Cộng	36.687.500	19.675.003
b. Dài hạn		
Cải tạo kho An Dương Vương	1.142.602.072	1.703.851.512
Hệ thống máy lạnh VP An Dương Vương	52.776.020	120.630.908
Cộng	1.195.378.092	1.824.482.420
Tổng Cộng	1.232.065.592	1.844.157.423

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2024		01/01/2024	
	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (i)	850.000.000	850.000.000	159.623.301.802	159.623.301.802
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	8.723.509.444	8.723.509.444	8.723.509.444	8.723.509.444
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.491.886.041	2.491.886.041	2.136.146.416	2.136.146.416
Cộng	15.065.395.485	15.065.395.485	173.482.957.662	173.482.957.662

(i) Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan

Công ty CII			158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	850.000.000	850.000.000	850.000.000	850.000.000
Cộng	850.000.000	850.000.000	159.623.301.802	159.623.301.802

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CII	-	462.850.380.000
Khách hàng khác	1.875.433.358	1.858.295.949
Cộng	1.875.433.358	464.708.675.949
Trong đó, người mua trả tiền trước là bên liên quan		
Công ty CII	-	462.850.380.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	476.098.580	458.961.171
Cộng	476.098.580	463.309.341.171

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp	Số đã thực nộp	30/09/2024
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế GTGT vãng lai nội tỉnh	489.865.770	-	-	489.865.770
Cộng	1.667.297.325	-	-	1.667.297.325
b. Phải nộp				
Thuế đất	-	2.549.335.297	2.134.580.593	414.754.704
Thuế thu nhập cá nhân	239.288.274	1.138.679.661	1.247.355.464	130.612.471
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	239.288.274	3.692.014.958	3.385.936.057	545.367.175

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	564.005.323
Cộng	-	564.005.323

16. Phải trả khác

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn		
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư dự án Trung Lương - Mỹ Thuận (iii)	729.429.086.414	
Khoản nhận trước vốn góp đầu tư (i)	219.980.000.000	219.980.000.000
Khoản nhận trước lợi nhuận (ii)	109.549.509.355	109.549.509.355
Cổ tức phải trả	96.427.382.500	385.709.530.000
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (iii)	67.807.873.950	
Phải trả chi phí sử dụng vốn cho Công ty CII	20.003.591.367	348.991.439
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	2.157.621.128	2.565.620.605
Các khoản phải trả khác	10.136.000	6.647.000
	1.245.365.200.714	718.160.298.399
b. Phải trả dài hạn		
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (iii)	2.527.202.000.000	2.264.683.658.739
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	7.300.000.000
	2.534.502.000.000	2.271.983.658.739
Tổng Cộng	3.779.867.200.714	2.990.143.957.138

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

16. Phải trả khác (tiếp theo)

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	881.259.873.950	892.804.343.670
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII	740.000.000.000	756.878.767.123
Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Điện Biên Phủ	973.750.000.000	615.000.547.946
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (ii)	109.549.509.355	109.549.509.355
Công ty CII	749.432.677.781	211.860.675.439
Công ty CP ĐT và PT Xây dựng Ninh Thuận (i)	219.980.000.000	219.980.000.000
Cộng	3.673.972.061.086	2.806.073.843.533

- (i) Đây là khoản nhận trước tiền hoàn vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận, công ty con thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T. Khoản này sẽ được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư vào công ty con khi dự án hoàn tất việc quyết toán giá trị thu phí và hoàn thành các thủ tục giảm vốn điều lệ.
- (ii) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của công ty con và sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.
- (iii) Số dư cuối kỳ thể hiện các khoản tiền nhận từ các hợp đồng hợp tác đầu tư và lãi phát sinh, bao gồm:
- Khoản nhận vốn góp và lợi nhuận phải trả cho Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án Xa lộ Hà Nội. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày Công ty KBTT thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, KBTT sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư nợ gốc phải trả của hợp đồng tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 881.259.873.950 đồng.
 - Khoản nhận vốn góp và lợi nhuận phải trả với giá trị là 740.000.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Theo hợp đồng, Công ty CII E&C sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.
 - Khoản nhận vốn góp từ Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Điện Biên Phủ (OBI) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận. Thời hạn của hợp đồng là 8 năm kể từ ngày Công ty OBI thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, Công ty OBI sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 973.750.000.000 đồng.
 - Khoản vốn nhận hợp tác từ Công ty CII với giá trị tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 749.432.677.781 đồng để đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tương ứng với tỷ lệ lợi ích là 40%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	30/09/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Công ty CII	25.257.281.037	25.257.281.037	61.749.959.505	54.615.784.614	18.123.106.146	18.123.106.146
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b)</i>	-	-	-	-	323.682.300.319	323.682.300.319
Cộng	25.257.281.037	25.257.281.037	61.749.959.505	54.615.784.614	341.805.406.465	341.805.406.465
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	-	-	-	323.682.300.319	323.682.300.319	323.682.300.319
Trư: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	-	-	-	-	(323.682.300.319)	(323.682.300.319)
Cộng	0	0	-	323.682.300.319	0	0
Tổng cộng các khoản vay	25.257.281.037	25.257.281.037	61.749.959.505	378.298.084.933	341.805.406.465	341.805.406.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG RIÊNG (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn						
Công ty CII	8.154.724.582	3 năm	21/07/2025	Lãi suất trong năm là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (thời hạn 3 năm nhưng có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo
	6.302.556.455	9 năm	13/04/2025	Lãi suất trong năm là 11,5%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu
	10.800.000.000	1 năm	13/04/2025	Lãi suất trong năm là 11,5%		Không có tài sản đảm bảo
	25.257.281.037					

Lịch thanh toán các khoản vay dài hạn

	30/09/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	-	323.682.300.319
Cộng	-	323.682.300.319
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	-	(323.682.300.319)
Số phải trả sau 12 tháng	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023					
Lợi nhuận trong kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	990.395.402.824	3.013.813.751.405
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	136.635.190.555	136.635.190.555
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(2.674.999.368)	(2.674.999.368)
Tại ngày 30/09/2023					
Lợi nhuận trong năm	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	1.123.018.094.327	3.146.436.442.908
Chia cổ tức (i)	-	-	-	142.454.114.206	142.454.114.206
Tại ngày 31/12/2023					
Lợi nhuận trong kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	571.195.054.533	2.594.613.403.114
Cổ tức phải trả trong kỳ	-	-	-	139.198.751.878	139.198.751.878
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(96.427.382.500)	(96.427.382.500)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(5.581.786.095)	(5.581.786.095)
Tại ngày 30/09/2024					
Lợi nhuận trong kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	606.989.191.293	2.630.407.539.874
Cổ tức phải trả trong kỳ	-	-	-	(1.395.446.523)	(1.395.446.523)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.581.786.095)	(5.581.786.095)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.395.446.523)	(1.395.446.523)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	30/09/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2024 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ 11% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, đồng thời cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức với tỷ lệ dự kiến là 12% từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 và 20% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước.

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức còn lại của năm 2023 với tỷ lệ là 5% bằng tiền mặt

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023
	VND	VND
Doanh thu thi công, lắp đặt và khác	-	(43.705.459)
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.103.227.224	5.889.946.471
Cộng	5.103.227.224	5.846.241.012
Doanh thu thuần	5.103.227.224	5.846.241.012

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		1.851.937.548
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.754.743.943	1.538.845.960
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	600.000.002	545.454.547
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	1.788.483.279	381.510.908
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	136.363.636
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	900.000.000	879.679.656
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn		495.833.872
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật En Vi Ro		40.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năm Bẩy Bẩy	60.000.000	
Cộng	5.103.227.224	5.869.626.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.472.529.506	4.122.261.109
Cộng	4.472.529.506	4.122.261.109

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	393.299.104.213	248.727.469.211
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	70.853.867.635	61.185.477.977
Cộng	464.152.971.848	309.912.947.188

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	393.299.104.213	248.727.469.211
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	109.526.948.702	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	115.152.134.595	69.547.953.824
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	51.547.807.776	76.871.049.498
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	112.072.188.140	102.308.465.889
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	5.000.025.000	
Lãi cho vay hỗ trợ vốn	70.240.078.481	41.180.038.971
Công ty CII	40.216.101.599	15.663.707.516
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	28.617.172.499	24.516.256.388
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG	1.395.297.534	165.836.711
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn		834.238.356
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	11.506.849	-
Cộng	463.539.182.694	289.907.508.182

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND
Chi phí lãi vay	315.864.658.154	167.492.504.768
Cộng	315.864.658.154	167.492.504.768
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan		
Công ty CII	110.064.155.222	104.623.404.965
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	66.865.801.643	15.684.227.506
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII	60.368.734.245	
Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Điện Biên Phủ	78.283.964.382	
Cộng	315.582.655.492	120.307.632.471

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.451.379.127	2.634.340.069
Chi phí đồ dùng văn phòng	174.865.110	435.395.270
Chi phí khấu hao	1.156.270.230	587.098.557
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.142.955.768	1.093.108.506
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.750.196.394	2.759.289.366
Cộng	9.675.666.629	7.509.231.768

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	548.340.000	
Cộng	548.340.000	-

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	139.198.751.878	136.635.190.555
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	110.912.600	33.387.871.348
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(393.299.104.213)	(248.727.469.211)
Thu nhập chịu thuế	(253.989.439.735)	(78.704.407.308)
Thu nhập tính thuế	(253.989.439.735)	(78.704.407.308)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND
Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác		
Chi đầu tư vào công ty con	25.968.515.033	9.000.000.000
	25.968.515.033	9.000.000.000
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	447.749.959.505	892.510.000.000
	447.749.959.505	892.510.000.000
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	323.682.300.319	46.886.000.000
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	102.115.910.664	324.047.449.807
	425.798.210.983	370.933.449.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty con
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Công ty con
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	Công ty con
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII (E&C)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn

2. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)		
Chi trả cổ tức trong năm	211.511.684.000	169.146.947.200
Nhận tiền hỗ trợ vốn	61.749.959.505	-
Thu hồi tiền chuyển nhượng vốn trong công ty Cầu Sài Gòn		24.988.350.000
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	39.375.000.000	176.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	117.163.660.967	50.779.594.562
Chuyển trả nợ gốc hỗ trợ vốn	54.615.784.614	186.462.550.193
Chuyển trả nợ lãi hỗ trợ vốn	31.618.436	
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản	-	892.510.000.000
Chuyển trả theo hợp đồng chuyển nhượng	78.410.271.363	2.750.680.109
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Hạ Tầng CII		
Nhận tiền gốc theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản	-	
Chuyển trả theo hợp đồng chuyển nhượng	77.247.501.368	
Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Điện Biên Phủ		
Nhận tiền theo hợp đồng chuyển nhượng tài sản	386.000.000.000	
Chuyển trả theo hợp đồng chuyển nhượng	105.534.512.328	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn		
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn		
Thanh toán chi phí dịch vụ khảo sát lưu lượng xe		688.847.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận		
Nhận tiền lợi nhuận đã chia	50.157.974.934	
Chuyển tiền góp vốn	106.283.800.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Nhận tiền lợi nhuận đã chia	48.005.809.832	2.760.000.000
Thu tiền hợp đồng dịch vụ đối soát	972.000.000	660.000.000
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII		
Chuyển tiền góp vốn		9.000.000.000
Chuyển và nhận tiền hỗ trợ vốn	5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		
Nhận tiền cổ tức		
Nhận trước tiền vốn chủ sở hữu	-	97.565.688.072
Thu tiền cho thuê xe, thuê văn phòng và khác		2.531.228.819
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	28.500.000.000	96.300.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	32.000.000.000	23.754.229.169
Thu lãi hỗ trợ vốn	24.879.377.956	
Thu tiền cho thuê văn phòng và dịch vụ khác	1.762.512.850	630.134.013
Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình		
Thu tiền cổ tức được chia	15.375.000.000	63.441.000.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Nhận tiền tạm ứng lợi nhuận	-	19.480.000.000
Thu tiền phụ cấp thành viên		600.000.000
Thu tiền thuê VP	-	150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng - VRG		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	25.000.000.000	
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	28.700.000.000	2.000.000.000
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	1.395.297.534	165.836.711
Thu tiền cho thuê xe, thuê văn phòng và khác	1.831.621.827	1.787.237.445
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		
Thu tiền phụ cấp thành viên góp vốn		1.530.000.000
Hoàn trả tiền phụ cấp thành viên góp vốn		1.530.000.000
Thu tiền cho thuê văn phòng và thu khác	657.818.183	595.636.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	1.441.511.794	1.142.118.635
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	854.611.009	648.209.384
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2023)		203.153.187
Lương Thị Thu Yến	Kế toán trưởng	541.060.066	415.494.047
Cộng		2.837.182.869	2.408.975.253

Thù lao đã chi trả cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2024 đến 30/09/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	200.745.000	
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch	69.772.000	200.625.000
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	216.414.000	160.500.000
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Dương Trường Hải	Thành viên	46.216.667	133.750.000
Ông Lê Văn Nam	Thành viên	134.128.333	
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên	-	
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Cộng		1.388.656.000	1.029.875.000
Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát	106.765.667	
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát	37.510.333	107.000.000
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	108.207.000	80.250.000
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	108.207.000	80.250.000
Cộng		360.690.000	267.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 30 tháng 09 năm 2024 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 đã được kiểm toán và công ty tự lập tương ứng.



Phung Thị Thám
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2024

